

Số: 41 /QĐ-THCS DQ

Dương Quang, ngày 17 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021**  
**của Trường THCS Dương Quang**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS DƯƠNG QUANG**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16//2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ kết quả xét duyệt quyết toán thu, chi ngân sách năm 2021 của Phòng TC-KH huyện Gia Lâm;

Xét đề nghị của bộ phận Tài vụ Trường THCS Dương Quang,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của Trường THCS Dương Quang (Theo biểu số 04 đính kèm).

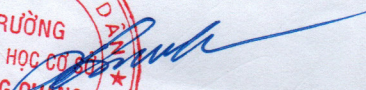
Thời gian công khai từ ngày 17/4/2022.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 2.** Bộ phận Tài vụ, các tổ chuyên môn, cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường THCS Dương Quang thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ phận Tài vụ, các tổ CM;
- Bộ phận CNTT/để công bố;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
  
**Vũ Quốc Trị**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH



**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 41/QĐ-THCS DQ ngày 17/4/2022 của Trường THCS Dương Quang)

Đơn vị: Triệu đồng

| Số TT     | Nội dung                                              | Tổng số liệu<br>báo cáo quyết<br>toán | Tổng số liệu<br>quyết toán được<br>duyet | Chênh<br>lệch | Số quyết toán<br>được duyệt chi tiết<br>từng đơn vị trực<br>thuộc (nếu có) |
|-----------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------|---------------|----------------------------------------------------------------------------|
| 1         | 2                                                     | 3                                     | 4                                        | 5=4-3         | 6                                                                          |
| <b>A</b>  | <b>Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                                       |                                          |               |                                                                            |
| <b>I</b>  | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                             | <b>1.201,43</b>                       | <b>1.201,43</b>                          | <b>0,00</b>   |                                                                            |
| 1         | Số thu phí, lệ phí                                    | 431,93                                | 431,93                                   | 0,00          |                                                                            |
| 2         | Thu hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ              |                                       |                                          |               |                                                                            |
| 3         | Thu sự nghiệp khác                                    | 769,50                                | 769,50                                   | 0,00          |                                                                            |
| 3.1       | Học 2 buổi/ngày                                       | 264,50                                | 264,50                                   | 0,00          |                                                                            |
| 3.2       | Học thêm                                              | 452,49                                | 452,49                                   | 0,00          |                                                                            |
| 3.3       | Học nghề                                              | 11,35                                 | 11,35                                    | 0,00          |                                                                            |
| 3.4       | Học tiếng Anh liên kết                                | 41,16                                 | 41,16                                    |               |                                                                            |
| <b>II</b> | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>               | <b>1.150,69</b>                       | <b>1.150,69</b>                          | <b>0,00</b>   |                                                                            |
| 1         | Chi từ nguồn thu phí được để lại                      | 381,19                                | 381,19                                   | 0             |                                                                            |
| 1.1       | Chi sự nghiệp                                         | 381,19                                | 381,19                                   | 0             |                                                                            |
| 1.2       | Chi quản lý hành chính                                |                                       |                                          |               |                                                                            |
| 2         | Hoạt động sản xuất cung ứng dịch vụ                   |                                       |                                          |               |                                                                            |
| 3         | Hoạt động sự nghiệp khác                              | 769,50                                | 769,50                                   | 0,00          |                                                                            |
| 3.1       | Học 2 buổi/ngày                                       | 264,50                                | 264,50                                   | 0,00          |                                                                            |
| 3.2       | Học thêm                                              | 452,49                                | 452,49                                   | 0,00          |                                                                            |
| 3.3       | Học nghề                                              | 11,35                                 | 11,35                                    | 0,00          |                                                                            |
| 3.4       | Học tiếng Anh liên kết                                | 41,16                                 | 41,16                                    |               |                                                                            |
| <b>B</b>  | <b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>              |                                       |                                          |               |                                                                            |
| <b>I</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục</b>                         | <b>6.399,31</b>                       | <b>6.399,31</b>                          | <b>0,00</b>   |                                                                            |
| <b>1</b>  | <b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>               | <b>6.040,00</b>                       | <b>6.040,00</b>                          | <b>0,00</b>   |                                                                            |
| 1.1       | Chi thanh toán cá nhân                                | 4.071,38                              | 4.071,38                                 | 0,00          |                                                                            |
| 1.2       | Chi hàng hóa dịch vụ                                  | 1.355,12                              | 1.355,12                                 | 0,00          |                                                                            |
| 1.3       | Chi mua sắm tài sản                                   | 296,50                                | 296,50                                   | 0,00          |                                                                            |
| 1.4       | Chi khác                                              | 81,00                                 | 81,00                                    | 0,00          |                                                                            |
| 1.5       | Chi trích lập quỹ                                     | 236,00                                | 236,00                                   |               |                                                                            |
| <b>2</b>  | <b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>         | <b>359,31</b>                         | <b>359,31</b>                            | <b>0,00</b>   |                                                                            |
| 2.1       | Chi thanh toán cá nhân                                | 257,82                                | 257,82                                   | 0,00          |                                                                            |
| 2.2       | Chi hàng hóa dịch vụ                                  |                                       |                                          | 0,00          |                                                                            |
| 2.3       | Chi mua sắm tài sản                                   |                                       |                                          |               |                                                                            |
| 2.4       | Chi khác                                              | 101,49                                | 101,49                                   |               |                                                                            |

Ngày 17 tháng 4 năm 2022

**HIỆU TRƯỞNG****Vũ Quốc Trị**



## THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021

### I. QUYẾT TOÁN THU

#### 1. Thu ngân sách nhà nước

- Số dư dự toán năm trước chuyển sang 0 đồng
- Dự toán giao đầu năm 6.338.000.000 đồng
- Dự toán giao bổ sung trong năm 174.310.500 đồng. trong đó:
  - + Kinh phí chi CCTL: 72.862.000 đ.
  - + Cấp bù miễn giảm HP và hỗ trợ chi phí học tập 2.500.000 đồng ( Học kỳ II năm học 2020-2021).
  - + Cấp bù miễn giảm HP và hỗ trợ chi phí học tập 1.953.500 đồng ( Học kỳ I năm học 2021-2022).
  - + Hỗ trợ học phí theo NQ 08 của HĐND thành phố Hà Nội 96.995.000 đồng ( Học kỳ I năm học 2021-2022).
- Dự toán giảm trong năm 113.000.000 đồng.

#### 2. Thu học phí

- *Thu học phí:*
  - + Số dư năm trước chuyển sang 0 đồng.
  - + Thu trong năm 431.939.900 đồng.
- *Kinh phí NSNN cấp bù học phí:*
  - + Số dư năm trước chuyển sang 0 đồng.
  - + Tổng số thu trong năm 96.995.000 đồng.

#### 3. Thu khác

- *Thu mô hình*
  - + Số dư năm trước chuyển sang 0 đồng.
  - + Tổng số thu trong năm 264.500.000 đồng
- *Thu học thêm*
  - + Số dư năm trước chuyển sang 0 đồng.
  - + Tổng số thu trong năm 452.496.000 đồng
- *Thu học nghề*
  - + Số dư năm trước chuyển sang 0 đồng.
  - + Tổng số thu trong năm 11.350.000 đồng
- *Thu học tiếng Anh liên kết*
  - + Số dư năm trước chuyển sang 0 đồng.
  - + Tổng số thu trong năm 41.160.000 đồng.



## II. QUYẾT TOÁN CHI

### 1. Chi ngân sách nhà nước

- Dự toán đã rút 6.399.310.500 đồng. Trong đó:
  - + Dự toán TX giao tự chủ 6.040.000.000 đồng.
  - + Dự toán TX không giao tự chủ 359.310.500 đồng.
- Dự toán còn lại ở KBNN 0 đồng.

### 2. Chi học phí

- Học phí 381.187.400 đồng.
- Học phí NSNN cấp bù 0 đồng.

### 3. Chi khác

- Chi mô hình 264.500.000 đồng.
- Chi học thêm 452.496.000 đồng.
- Chi học nghề 11.350.000 đồng.
- Chi học tiếng Anh liên kết 41.160.000 đồng.

#### Nơi nhận:

- Bộ phận Tài vụ, các tổ CM;
- Bộ phận CNTT/đề công bố;
- Lưu: VT.



**HIỆU TRƯỞNG**

**Vũ Quốc Trị**